

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4569/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Cẩm Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Thanh Giàu
- Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 366/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6267/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7353/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hồng L, sinh năm 1987
Địa chỉ: Số A Tỉnh lộ 43, Khu phố G, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1983
Địa chỉ: Số A Tỉnh lộ 43, Khu phố G, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trương Thị Hồng L trình bày: Bà L và ông Lê Ngọc T có tìm hiểu nhau, tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 02 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại địa chỉ: số A Tỉnh lộ 43, Khu phố G, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T không quan tâm, chia sẻ với vợ về kinh tế trong gia đình cũng như việc nuôi dạy con cái. Ông T cũng không chung thủy trong tình cảm vợ chồng

dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, đã từng xảy ra xô xát, tình cảm trở nên lạnh nhạt. Vợ chồng đã tự ý sống ly thân hơn một năm, không ai quan tâm đến ai. Hai bên đã từng trao đổi chuyện hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà L cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Ngọc T.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 người con chung tên Lê Thị Ngọc L1, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2005 (đã trưởng thành) và Lê Hoàng Minh P, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên tên Lê Hoàng Minh P. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 01 năm 2024, bà yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông T. Bà L cho biết bà hiện đang có sạ bán trái cây gần nhà nên bà đủ điều kiện chăm sóc, đưa đón con đi học nên bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L tự khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho ông Lê Ngọc T nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trương Thị Hồng L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị Hồng L được ly hôn với ông Lê Ngọc T; Về con chung: có 02 người con chung tên Lê Thị Ngọc L1, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2005 (đã trưởng thành) và Lê Hoàng Minh P, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2014; giao cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung chưa thành niên tên Lê Hoàng Minh P; ông T không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có; Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị Hồng L nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Ngọc T có nơi cư trú tại phường B,

thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn bà Trương Thị Hồng L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt hợp lệ, bị đơn ông Lê Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Trương Thị Hồng L và ông Lê Ngọc T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 02 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 nên hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

Bà L xin được ly hôn với ông T vì vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, ông T không chung thủy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, tình cảm mất dần nên vợ chồng đã ly thân và không có khả năng hàn gắn.

Ông T không đến Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà L mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định. Điều đó thể hiện ông T cố tình bỏ mặc, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa ông với bà L. Xét thấy lời khai của bà L là phù hợp với thực tế. Mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Hồng L đối với ông Lê Ngọc T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc L1, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2005 (đã trưởng thành) và Lê Hoàng Minh P, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2014. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P sau ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản trình bày nguyện vọng của trẻ P cũng thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, để đảm bảo duy trì sự phát triển ổn định về mọi mặt của trẻ, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của trẻ nên chấp nhận. Ghi nhận bà L tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hoàng Minh P.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Hồng L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng L được ly hôn với ông Lê Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyền số 01, đăng ký ngày 01 tháng 02 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Thị Ngọc L1, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2005 (đã trưởng thành) và Lê Hoàng Minh P, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2014. Giao trẻ P cho bà Trương Thị Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông Lê Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Hồng L tự khai không có.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: 0025237 ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Cẩm Hiền